

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CXD1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671004-802 - H¹ a h c L i c ng H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3575010796	35CXD1	Nguy n Qu c An	10/03/1993				6.0	9.5		7.8	2.3	8.3	5.8	8.1	
2	3575031496	35CNVL1	L» Tu n Anh	29/07/1992				4.0	6.5		5.3	1.6	6.0	4.2	5.8	
3	3471010021	34CCD1	Phan Phúc B o	12/06/1991				7.0	7.5		7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
4	3575031737	35CNVL1	ñ u Xu ^a n Bi n	02/08/1990				6.0	5.0		5.5	1.7	7.3	5.1	6.8	
5	3571010593	35CCĐ5	ñ @ Quang Binh	01/05/1993				4.0	8.5		6.3	1.9	4.5	3.2	5.0	
6	3574010232	35COT2	ñ ình Thanh Binh	18/03/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	8.8	6.2	8.6	
7	3575031540	35CNVL1	Nguy n C»ng C m	26/04/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	
8	3571010047	35CCĐ3	Ng» ã ình C nh	05/01/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	6.8	4.8	7.6	
9	3371010052	34CCD6	Nguy n Ng c C ng	09/02/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3571010214	35CCĐ2	Phan Qu c C ng	01/02/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	3.8	2.7	4.9	
11	3574010503	35COT2	Tr n H ẽ ng C ng	26/09/1992				4.0	9.8		6.9	2.1	6.0	4.2	6.3	
12	3571010263	35CCĐ4	Nguy n Di p Ho @ng Chinh	23/01/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
13	3474010009	34COT2	Mai Vi t Chung	05/12/1992				5.0	8.5		6.8	2.0	4.3	3.0	5.0	
14	3571010505	35CCĐ5	Nguy n ã ình Chung	11/09/1992				4.0	7.5		5.8	1.7	3.5	2.5	4.2	
15	3475010026	34CXD1	Nguy n V ã ã Chung	08/03/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
16	3575011181	35CXD5	Tr n Quang Di n	10/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
17	3574011110	35COT1	L ² Tr ng Duy	14/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
18	3571010330	35CCĐ4	Tr n Thanh Duy	30/08/1993				10.0	7.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
19	3575011229	35CXD5	Nguy n Tr [´] D H ẽ ng	01/05/1993				6.0	6.3		6.2	1.9	5.8	4.1	5.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CXD1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671004-802 - H ấ a h c L ấ c ng H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010141	35CCĐ3	Mai Thành ấ t	10/10/1990				8.0	8.5		8.3	2.5	5.0	3.5	6.0	
21	3575011356	35CXD5	Nguy n H ấ ấ	25/08/1993				10.0	5.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	
22	3475010053	34CXD2	ấ ng Thanh ấ m	20/06/1989				5.0	9.3		7.2	2.2	7.0	4.9	7.0	
23	3575031694	35CNVL1	Tr ng Th ấ	15/03/1993				1.0	4.5		2.8	0.8	3.0	2.1	2.9	
24	3575031183	35CNVL1	Nguy n Th ấ	02/08/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	7.5	5.3	6.9	
25	3471010102	34CCD2	Nguy n V ấ T n ấ c	15/01/1992				10.0	8.5		9.3	2.8	8.5	6.0	8.7	
26	3474010015	34COT2	Tr n ấ c ấ c	30/10/1992				4.0	10.0		7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
27	3575010735	35CLC1-DD	Tr n ấ ph H ấ	20/05/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
28	3571010743	35CLC1-CĐ	Nguy n Ho ấ	21/06/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	
29	3571011796	35CLC1-CĐ	L ấ m V ấ	08/08/1993				7.0	9.8		8.4	2.5	8.5	6.0	8.5	
30	3575031710	35CNVL1	L ấ Th Nh H ng	15/10/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	3.8	2.7	4.3	
31	3571010093	35CCĐ3	VH ấ ch H ấ	07/08/1993				7.0	8.3		7.7	2.3	3.8	2.7	5.0	
32	3574011099	35COT1	Tr n T n H ng	10/08/1992				10.0	10.0		10.0	3.0	3.8	2.7	5.7	HOC LOP 1, THI CHUNG (1)
33	3471010172	34CCD5	V ấ V ấ	08/02/1992				5.0	8.0		6.5	2.0	7.5	5.3	7.2	
34	3571010750	35CCĐ1	Tr n H Tr ng Kha	01/10/1993				10.0	6.5		8.3	2.5	4.8	3.4	5.8	
35	3474010025	34COT2	Nguy n Nh Khanh	09/05/1992				4.0	7.0		5.5	1.7	2.0	1.4	3.1	
36	3474010026	34COT2	Phan Duy Khanh	10/09/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	7.8	5.5	7.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CXD1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671004-802 - H ấ a h c L ấ c ng H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
37	3471010166	34CCD5	ấ ấ Duy	Kh i	20/10/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
38	3575031518	35CNVL1	Nguy n Trung	Khoa	01/06/1993				5.0	7.5		6.3	1.9	5.8	4.1	5.9	
39	3574011063	35COT1	ấ ng Minh	Khôi	04/05/1993				8.0	5.5		6.8	2.0	6.0	4.2	6.2	
40	3575031510	35CNVL1	Lê Thành	Khôi	01/01/1993				8.0	6.5		7.3	2.2	6.8	4.8	6.9	
41	3475010119	34CXD3	H Tr n	Lâm	02/01/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
42	3474010028	34COT1	Nguy n Ng c	Lâm	25/03/1992				3.0	9.5		6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
43	3575010119	35CXD3	Lê Chí	Linh	24/05/1993				8.0	3.0		5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	
44	3571010036	35CLC1-CĐ	Ho ấ ng B o	Long	14/08/1993				7.0	7.5		7.3	2.2	5.5	3.9	6.0	
45	3471010189	34CCD7	L ng B o	Long	30/03/1992				9.0	10.0		9.5	2.9	7.3	5.1	8.0	
46	3471010191	34CCD6	Nguy n Ho ấ ng	Long	26/02/1989				6.0	5.5		5.8	1.7	7.3	5.1	6.8	
47	3475010139	34CXD2	Nguy n Minh	L i	28/10/1991				3.0	1.0		2.0	0.6	5.3	3.7	4.3	
48	3571011187	35CCĐ5	Phan V ấ	L c	04/03/1993				7.0	10.0		8.5	2.6	7.8	5.5	8.0	
49	3575031605	35CNVL1	Nguy n T ng	Nam	01/02/1993				8.0	5.5		6.8	2.0	3.8	2.7	4.7	
50	3474010040	34COT1	ấ o ấ Hi u	Ngh ấ	09/10/1992				4.0	8.5		6.3	1.9	5.8	4.1	5.9	
51	3475010162	34CLC-DD1	B ấ i H u	Ngh	05/10/1990				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
52	3471010226	34CCD6	L ấ V ấ	Ng c	02/01/1992				6.0	7.8		6.9	2.1	4.5	3.2	5.2	
53	3575010737	35CLC1-DD	Nguy n Duy	Nguyên	22/02/1993				5.0	10.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
54	3475010180	34CLC-DD1	Nguy n Th ấ nh	Nhân	24/08/1992				7.0	9.5		8.3	2.5	4.5	3.2	5.6	
55	3575010722	35CLC1-DD	B ấ i T n	Phát	28/01/1993				6.0	10.0		8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CXD1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671004-802 - H¹ a h c L i c ng H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
56	3475010186	34CXD5	Cao V ã	Phát	21/12/1991				4.0	9.0		6.5	2.0	8.5	6.0	7.9	
57	3571011184	35CCĐ5	L ² H ng	Phong	20/09/1993				5.0	8.0		6.5	2.0	10.0	7.0	9.0	
58	3574011087	35COT1	Tr n Th ã i	Phong	10/10/1992				5.0	10.0		7.5	2.3	9.5	6.7	8.9	
59	3575010837	35CXD1	Phan T ã h	Phúc	03/06/1993				5.0	9.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
60	3474010053	34COT1	Tr n Xu ^a n	Phúc	10/11/1991				2.0	10.0		6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
61	3475010194	34CXD6	Ph m Thanh	Ph ng	12/10/1991				4.0	1.0		2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
62	3474010055	34COT1	Phan Phú	Ph c	12/09/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	5.3	3.7	5.4	
63	3571010391	35CCĐ4	Tr n H ng	Quân	25/01/1993				9.0	7.8		8.4	2.5	4.5	3.2	5.7	
64	3575031742	35CNVL1	Nguy n H u	Tài	12/10/1993				5.0	4.5		4.8	1.4	4.0	2.8	4.2	
65	3371010396	34CCD3	Nguy n ã c	Tâm	29/02/1990				6.0	5.5		5.8	1.7	7.3	5.1	6.8	
66	3474010079	34COT1	L ² ã nh Nam	Ti n	08/03/1992				2.0	10.0		6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
67	3571010622	35CCĐ5	L ã c	Ti n	24/09/1992				4.0	8.3		6.2	1.9	7.3	5.1	7.0	
68	3574011068	35COT1	L ² V ã	Tín	01/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
69	3571011812	35CCĐ7	Nguy n Tr ng	Tín	30/12/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
70	3474010080	34COT2	L ² V ã	Toàn	03/10/1992				7.0	10.0		8.5	2.6	7.8	5.5	8.0	
71	3474010083	34COT1	ñ Kh c	Tu n	29/05/1992				5.0	8.5		6.8	2.0	6.3	4.4	6.4	
72	3571010275	35CCĐ2	Phan V ã	Tu	24/04/1993				5.0	10.0		7.5	2.3	1.0	0.7	3.0	
73	3575010086	35CXD3	Tr n Anh	Tú	19/02/1993				7.0	5.8		6.4	1.9	7.0	4.9	6.8	
74	3575010835	35CXD1	Lê Minh	T ng	15/05/1992				5.0	10.0		7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CXD1 N ấ n h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671004-802 - H ấ a h c L ấ c ng H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
75	3571010345	35CLC1-CĐ	H ấ V ấ Th o	22/02/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	4.5	3.2	5.7	
76	3571010789	35CCĐ1	Tr n M nh Th ng	08/12/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
77	3574010560	35COT2	Tr nh H u Th ấ n	19/02/1992				4.0	10.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
78	3574011086	35COT1	Nguy n Qu c Thi n	22/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
79	3471010330	34CCD7	V ấ Th nh	01/01/1992				6.0	10.0		8.0	2.4	3.8	2.7	5.1	
80	3575031476	35CNVL1	Tr ng H u Th	19/02/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	8.8	6.2	7.7	
81	3574011708	35COT2	Tr nh ấ nh Th ng	03/02/1992				5.0	4.0		4.5	1.4	3.3	2.3	3.7	
82	3575010693	35CLC1-DD	V ấ Ng c Tr m	05/10/1992				6.0	8.5		7.3	2.2	6.5	4.6	6.7	
83	3575031521	35CNVL1	Tr nh V ấ Tri u	10/11/1993				6.0	7.5		6.8	2.0	6.3	4.4	6.4	
84	3471010349	34CCD6	B ầ Duy Tr ấ n	04/10/1991				10.0	8.3		9.2	2.8	8.8	6.2	8.9	
85	3575031791	35CNVL1	Ph m Ng c Trung	16/02/1993				3.0	4.5		3.8	1.1	0.0	0.0	1.1	
86	3571010660	35CCĐ1	B ầ Thanh V ấ	15/01/1993				10.0	8.3		9.2	2.8	5.3	3.7	6.5	
87	3475010340	34CLC-DD1	Nguy n Qu c Vi t	14/05/1992				10.0	0.0		5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
88	3575010619	35CXD5	Lê H ầ ng V ấ	19/11/1993				1.0	5.0		3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	

T ng s : 88 h c sinh sinh vi ấ n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ồ Vi ấ n B M ấ n Gi ồ V Khoa